TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:23/2022/HNGĐ - ST.
Ngày 10 tháng 5 năm 2022
"V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tần;

Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2022/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc: "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2022 và thông báo mở phiên tòa sơ thẩm số: 24/2022/TB – TA ngày 05/5/2022 giữa:

- N đơn: Chị **Vi Thị Y**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm Minh Khai, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Cao N**, sinh năm 1981;

Nơi ĐKHKTT: Xóm Minh Khai, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang ở nước ngoài. (Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/02/2022 và các lời khai tiếp theo N đơn chị Vi Thị Y trình bày: Chị và anh N kết hôn với nhau ngày 25/10/2013 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu. Sau khi cưới khoảng 14 ngày thì chị và anh N đi xuất khẩu lao động tại Malaixia, đến tháng 5/2016 chị có thai nên về nước sinh con, khi về nước anh N có đưa chị về, sau đó anh N lại đi Malaixia và từ đó đến nay không về nước. Hiện nay chị không biết địa chỉ của anh N ở đâu tại Malaixia, chị có liên lạc với anh N nhưng anh N cũng không cung cấp địa chỉ. Trong quá trình chung sống thời gian ở Malaixia không có mâu thuẫn gì lớn, từ khi chị về Việt Nam thì anh N không có trách Nệm gì đối với vợ con, vợ chồng mỗi khi liên lạc với nhau thì đa số cãi nhau trên điện thoại,

khoảng một năm trở lại đây hai bên không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị Y xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Huyền N, sinh ngày 27/9/2016. Hiện nay cháu N đang ở với chị Y. Khi ly hôn Chị Y xin được trực tiếp nuôi cháu N và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Y xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Phía bị đơn: Anh Hoàng Cao N hiện đang ở nước ngoài được thể hiện tại công văn số 3990/QLXNC – P5 ngày 01/3/2022 của cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an xác định anh Hoàng Cao N xuất cảnh lần cuối cùng ngày 30/5/2016 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do Chị Y không biết địa chỉ của anh N ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Hoàng Thị L (mẹ đẻ anh N) và được bà L cung cấp như sau: Bà đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án gửi và đã thông báo cho anh N biết, gia đình thông báo cho anh N thì anh N chỉ nói vâng không thể hiện quan điểm gì, bà không biết địa chỉ của anh N ở đâu tại nước ngoài.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng qui định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 56; 81; 82; 83, 123 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26, điểm a, khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vi Thị Y được ly hôn anh Hoàng Cao N.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Huyền N, sinh ngày 27/9/2016 cho Chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: N đơn chị Vi Thị Y nộp đơn xin ly hôn anh Hoàng Cao N tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, Chị Y trình bày hiện anh N đang ở nước ngoài. Tại công văn số 3990/QLXNC – P5 ngày 01/3/2022 của Cục

quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an xác định anh Hoàng Cao N xuất cảnh lần cuối cùng ngày 30/5/2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở về nước. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Trong vụ án này anh N không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị Yđề nghị xin ly hôn với anh N và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh N mà không cung cấp được địa chỉ anh N ở chỗ nào tại nước ngoài, Tòa án đã thông qua thân nhân của anh Nlà bà Hoàng Thị L (mẹ đẻ anh N) thì thấy giữa gia đình bà L và anh N vẫn liên lạc với nhau nhưng bà L không cung cấp được địa chỉ, tin tức anh Nở đâu tại nước ngoài. Căn cứ công văn số: 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn nên cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung, Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nvà chị Y.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị Y và anh Hoàng Cao N trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 25/10/2013 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Chị Yvà anh N có xảy ra mâu thuẫn N nhân chủ yếu từ khi Chị Y từ Malaixia về nước; theo Chị Y thì anh N không có trách nhiệm gì với vợ con, khi liên lạc thì cãi nhau trên điện thoại. Mặt khác, qua xác minh tại chính quyền địa phương thấy rằng N nhân mâu thuẫn vợ chồng Chị Y được địa phương biết qua dư luận, thì Chị Y đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở Đoan Hùng từ tháng 10/2016. Do vậy, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa Chị Yvà anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho Chị Y được ly hôn anh N là phù hợp với khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị Y xác định chị và anh N có 01 con chung là Hoàng Huyền N, sinh ngày 27/9/2016. Hiện nay đang ở với chị, khi ly hôn nguyện vọng của chị xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét về điều kiện nuôi con, Chị Y có điều kiện về thời gian, vật chất và tinh thần để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung hơn anh N vì anh N hiện đang ở nước ngoài nên không có thời gian để chăm sóc con, giáo dục chung, hơn nữa cháu N hiện nay đang ở với Chị Y và do Chị Y nuôi dưỡng. Do vậy, cần giao cháu N cho Chị Y được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì Chị Y tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Y không đề nghị Tòa án giải quyết, anh Nện đang ở nước ngoài không có quan điểm đề nghị gì nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

- Về án phí: Chị Y tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án : Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 207; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị Y được ly hôn anh Hoàng Cao N.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Vi Thị Y được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hoàng Huyền N, sinh ngày 27/9/2016 đến khi cháu thành niên. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì Chị Y tự nguyện không yêu cầu.

Anh Ncó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công nợ, công sức của vợ chồng: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Vi Thị Y chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Yến đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000155 ngày 25/02/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Ycó quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ□ợc bản án hoặc bản án đ□ợc niêm yết. Thời hạn kháng cáo của anh N là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh;*
- *Cục thi hành án dân sự tỉnh;*
- *Các đ- ơng sự;*
- *UBND xã Cự Đồng;*
- *L- u hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hà Giang